TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 30 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: *Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42a/2024/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 34a/2024/QĐST-HN ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị N, sinh năm 1990, nơi cư trú: số A, tổ C, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (yêu cầu xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Chong Wei H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số C Jalan Bukit D Taman Bukit Desa K Kuala Lumpur W. Persekutuan (KL), Malaysia (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lưu Thị N trình bày:

Bà Lưu Thị N và ông Chong Wei H quen biết nhau qua tìm hiểu, tiến tới hôn nhân được gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh A, giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyển 01 ngày 04/3/2014, sau khi kết hôn ba tháng ông Chong Wei H bảo lãnh bà Lưu Thị N sang Malaysia chung sống hạnh phúc và có được 2 con chung. Thời gian con còn nhỏ, bà N ở nhà

chăm sóc. Sau khi các con lớn, bà N trao đổi với ông Chong Wei H để ra ngoài làm phụ giúp kinh tế gia đình nhưng qua nhiều lần trao đổi ông Chong Wei H vẫn không đồng ý. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung nên bà N về Việt Nam đến nay. Nay bà N khởi kiện xin ly hôn với ông Chong Wei H.

Về con chung: Có 2 con chung tên Chong Wei L, sinh ngày 16/02/2014 và C1, sinh ngày 19/8/2019, cả 2 đang sống cùng ông Chong Wei H. Bà N đồng ý để ông H tiếp tục nuôi con chung, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Chong Wei H đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp; tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Kết quả ủy thác của Bộ N2 (Cục L1) không thực hiện ủy thác nêu trên

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà N xin vắng mặt và ông Chong Wei H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, ông Chong Wei H, quốc tịch Malaysia, cư trú tại Số C Jalan Bukit D Taman Bukit Desa K Kuala Lumpur W. Persekutuan (KL), Malaysia.

Nguyên đơn cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Lưu Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn, ông Chong Wei H có địa chỉ tại Malaysia đã có Kết quả ủy thác của Bộ N2 (Cục L1) không thực hiện ủy thác (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Đ tại K, MalaysiaMalaysia thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 21-3-2025 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Chong Wei H về vụ án.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm c, khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân của bà Lưu Thị N và ông Chong Wei H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh A, Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyển 01 ngày 04/3/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói, không còn tình cảm.

Bị đơn, C2 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lưu Thị N và ông Chong Wei H là trầm trọng; đời sống chung đã không còn trên thực tế; mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Tên Chong Wei L, sinh ngày 16/02/2014 và C1, sinh ngày 19/8/2019, cả 2 đang sống cùng ông Chong Wei H. Bà N đồng ý để ông H tiếp tục nuôi con chung, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà N đã nộp tạm ứng là 3.000.000 đồng. Do cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp không yêu cầu trả chi phí nên bà N không phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Hoàn trả lại cho bà N tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470; điểm c khoản 6 Điều 477; khoản 2 Điều 479 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lưu Thị N.

1. Bà Lưu Thị N được ly hôn với ông Chong Wei H.

2. Về con chung: Ông Chong Wei H được tiếp tục nuôi dạy hai cháu Chong Wei L, sinh ngày 16/02/2014 và C1, sinh ngày 19/8/2019.

Bà Lưu Thị N được quyền thăm con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lưu Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000338 ngày 18/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Bà N đã nộp đủ).

5. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Lê Thị N1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0068936 ngày 04/7/2026 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Bà N1 đã nộp đủ).

Hoàn trả cho bà Lưu Thị N tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000078 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo của bà Lưu Thị N là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Chong Wei H là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- UBND tỉnh An Giang
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự "để thi hành";
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng